



BẢNG THÔNG SỐ VAN CẦU INOX

Thông số	Ý nghĩa	Giá trị/loại phổ biến	Lưu ý khi lựa chọn
Kích thước danh định DN	Cỡ danh định của van, không phải đường kính đo thực tế của lỗ van	DN15, DN20, DN25, DN50, DN100 và cỡ lớn hơn tùy thiết kế	Đối chiếu DN van với đường ống thực tế
Kích thước inch	Cách biểu thị cỡ van theo inch	1/2", 3/4", 1", 2" tương ứng DN15, DN20, DN25, DN50	Quy đổi theo quy ước danh định, không phải phép đo trực tiếp 2 đường kính
Cấp áp suất	PN và Class là 2 hệ phân cấp áp khác nhau	PN16, PN25, Class 150, Class 300 tùy thiết kế và tiêu chuẩn	Không quy đổi PN sang Class trực tiếp trong mọi trường hợp
Nhiệt độ làm việc	Khoảng nhiệt môi chất van làm việc được theo quy định	Theo thân, đĩa, ghế, gioăng, chèn kín và cấp áp	Nhiệt cho phép không độc lập với áp suất
Vật liệu thân và nắp van	304 dùng nhiều cho thông dụng, 316 chống chloride tốt hơn	Inox 304, inox 316	Chọn theo thành phần môi chất, nồng độ, nhiệt độ, tiếp xúc thực tế
Vật liệu đĩa van và ty van	Đĩa đóng mở/điều tiết, ty truyền chuyển động	Inox 304, 316 hoặc vật liệu khác tùy thiết kế	Không mặc định cùng mác với thân van
Ghế van và bề mặt làm kín	Tạo độ kín giữa đĩa và ghế	Kim loại-kim loại hoặc vật liệu mềm tùy loại	Kim loại hợp nhiệt cao/đặc thù; mềm xét theo nhiệt độ, hóa chất, yêu cầu kín
Kiểu kết nối	Cách nối van vào đường ống	Ren, mặt bích, hàn socket, hàn đối đầu	Chọn theo cấu tạo ống, áp suất, bảo trì, không gian lắp
Tiêu chuẩn kết nối	Quy cách bích và ren theo chuẩn	Bích ASME/ANSI, EN/DIN, JIS; ren BSP hoặc NPT	Phân biệt chuẩn ren, chuẩn bích và chuẩn thiết kế van
Cấu tạo thân và nắp	Kiểu nắp quyết định chịu áp và bảo trì	Nắp bắt bulong hoặc nắp ren ở một số dòng	Không mặc định mọi van cầu cùng kết cấu
Đặc tính đĩa van	Hình dạng đĩa và ghế quyết định điều tiết và độ kín	Loại đóng mở, loại chuyên điều tiết	Thiết kế chuyên dụng tối ưu điều tiết khác loại chỉ đóng mở
Phương thức vận hành	Cách đóng mở van	Tay quay, hộp số, điện, khí nén tùy thiết kế	Tự động hóa cần xét mô-men/lực, tần suất, khả năng điều khiển
Chiều dòng chảy và vị trí lắp	Hướng dòng và tư thế lắp theo thiết kế	Theo ký hiệu trên thân và hướng dẫn kỹ thuật	Chú ý thiết kế có yêu cầu riêng về chiều dòng
Thử áp và độ kín	Thử thân và thử kín ghế van	Theo tiêu chuẩn thử nghiệm áp dụng	Không khẳng định kín hoàn toàn nếu chưa có cấp kín và kết quả thử
Môi chất sử dụng	Chất đi qua van	Nước, dầu, khí, hơi tùy vật liệu và thiết kế	Xét nhiệt độ, áp suất, ăn mòn, độ nhớt, hạt rắn; không phải van cầu inox nào cũng hợp mọi hóa chất